

Bản tin Phân tích kỹ thuật

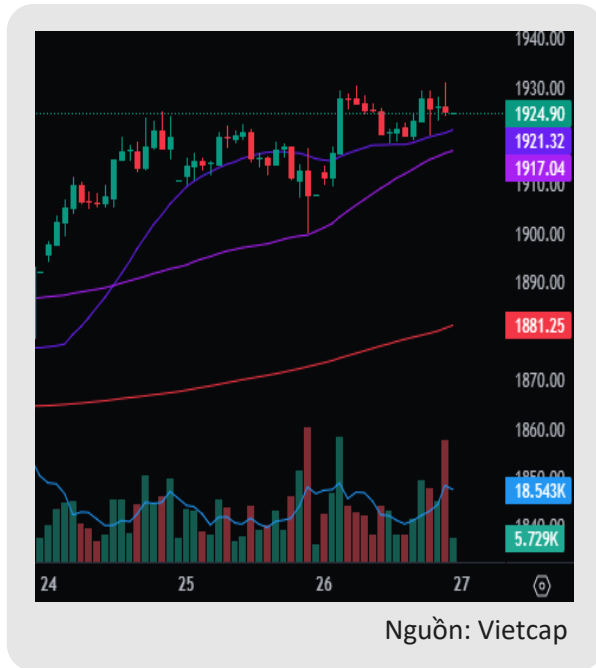
26/11/2025



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- VN30F2512 lấy lại tín hiệu tăng giá nhờ vận động trên các đường MA20 và MA50. (M15)
- Vị thế mua được ưu tiên với kì vọng tiếp cận vùng giá trên 1.930 điểm, dừng lỗ khi xuất hiện giá đóng cửa dưới ngưỡng 1.921 điểm. (M15)

Chiến lược:

- Mua (B): 1.924 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.934 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.921 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tích cực	Trung tính
VN30	Tích cực	Tích cực
VNMid	Trung tính	Trung tính
VNSmall	Tiêu cực	Trung tính
HNX	Tiêu cực	Trung tính



Nguồn: Vietcap

- VN-Index diễn biến trái ngược với phiên 25/11 khi sắc xanh xuất hiện trên diện rộng ở mọi phân khúc vốn hóa. Chỉ số đóng cửa quanh vùng 1.680 điểm, không ghi nhận sự thu hẹp đà tăng cho thấy áp lực bán tại đây đã được tiết chế. Trong ngắn hạn, VN-Index và VN30-Index có tín hiệu Tích cực, chỉ số VNMidcap được nâng từ Tiêu cực lên mức Trung tính nhờ biên độ tăng cao trong phiên 26/11.
- Về hoạt động giao dịch, lực cầu xuất hiện và gia tăng trên nhiều cổ phiếu Ngân hàng, Công nghiệp tại mức giá thấp ở phiên 25/11. Không ghi nhận hoạt động cung bất thường khi VN-Index tiếp cận vùng 1.680 điểm. Về tín hiệu kỹ thuật, đà giảm đang có khuynh hướng chững lại trên 53% cổ phiếu Ngân hàng, 64% cổ phiếu Bán lẻ và 58% cổ phiếu Bất động sản.
- Xuất hiện lực cầu giá thấp khi chỉ số VN-Index tiếp cận vùng 1.660 điểm và đồng thời chưa ghi nhận hoạt động bán giá cao quanh 1.680 điểm. Do đó, khu vực 1.680-1.700 điểm sẽ là mục tiêu tiếp theo trong thời gian tới và vùng 1.665 (+/-5) điểm sẽ là hỗ trợ chủ đạo cho quán tính tăng hiện tại.

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VPL	87,200	6.99%	21.11%	156,376	2.374	1,457	5.0	59.8	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VIC	245,000	0.82%	11.11%	943,989	1.687	2,287	6.5	107.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPB	29,000	2.84%	3.20%	230,084	1.417	2,603	1.5	11.1	Trung tính	Tiêu cực	Tích cực	Trung tính
VJC	207,800	-5.16%	16.74%	122,937	-1.376	2,897	5.0	71.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEE	194,400	6.99%	15.03%	71,150	1.080	9,095	9.5	21.4	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực
CTG	48,900	1.56%	-0.91%	262,593	0.888	6,208	1.6	7.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
MBB	23,250	1.75%	-1.06%	187,279	0.712	3,017	1.5	7.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEX	48,250	6.98%	10.16%	43,541	0.660	2,313	2.7	20.9	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
GAS	62,000	1.97%	-0.32%	149,603	0.641	5,014	2.3	12.4	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
TCB	33,850	1.20%	-2.73%	239,869	0.623	3,112	1.5	10.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VIX	24,500	6.99%	-2.00%	37,520	0.569	2,766	1.9	8.9	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
MWG	80,200	2.17%	-2.67%	118,572	0.557	3,955	3.8	20.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BID	37,350	0.95%	-1.97%	262,248	0.539	3,781	1.6	9.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	34,000	3.50%	-1.88%	70,581	0.536	1,882	2.3	18.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSN	78,600	2.08%	-0.25%	113,649	0.513	2,196	3.4	35.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
SHS	21,700	5.34%	-2.25%	19,518	0.740	1,519	1.6	14.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	29,400	3.52%	-1.01%	19,366	0.484	1,679	2.8	17.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CEO	25,700	4.05%	1.58%	14,583	0.419	360	2.4	71.4	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
KSF	74,900	0.67%	-5.07%	67,394	0.321	4,851	5.7	15.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HUT	16,800	2.44%	-5.62%	17,947	0.311	488	1.7	34.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
IDC	40,900	2.76%	-1.45%	15,522	0.305	4,849	2.4	8.4	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
KSV	146,000	1.39%	-4.07%	29,200	0.288	9,526	6.4	15.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	33,800	1.81%	-2.31%	16,155	0.207	3,040	1.1	11.1	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
THD	30,600	2.34%	-1.61%	11,781	0.196	220	2.7	138.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVI	87,500	1.04%	-1.69%	20,496	0.151	5,156	2.3	17.0	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	74,400	2.76%	-4.37%	225,269	0.135	3,046	6.0	24.3	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
ACV	53,000	0.95%	-3.46%	188,344	0.039	2,971	2.8	17.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MCH	215,700	0.75%	1.17%	229,125	0.037	7,722	14.3	28.1	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VCR	40,600	16.00%	1.50%	8,631	0.030	-134	5.5	-306.1	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
MVN	46,700	1.97%	-1.68%	56,123	0.024	1,438	4.1	32.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
RGG	33,000	-10.81%	-3.79%	6,600	-0.015	835	2.9	39.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
HTM	9,000	-21.05%	-1.10%	2,266	-0.010	-92	1.0	-112.2	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CMM	18,000	-24.05%	-39.19%	1,912	-0.010	863	1.6	22.6	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
ABB	14,600	2.82%	1.39%	14,950	0.009	1,997	0.9	7.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	22,800	1.33%	0.00%	24,910	0.007	-389	2.1	-58.3	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính

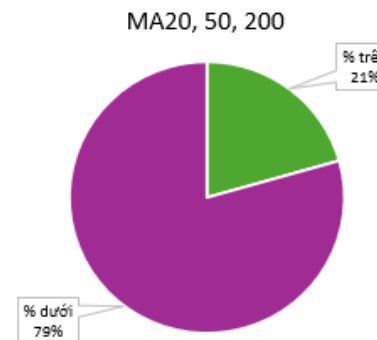
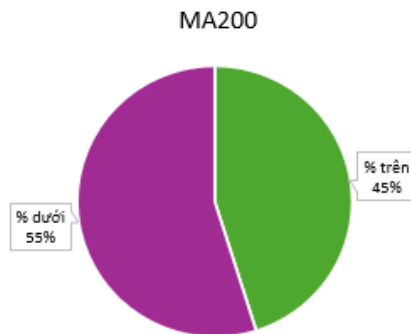
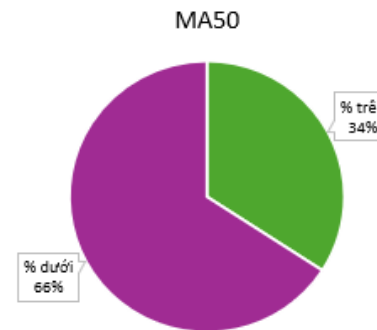
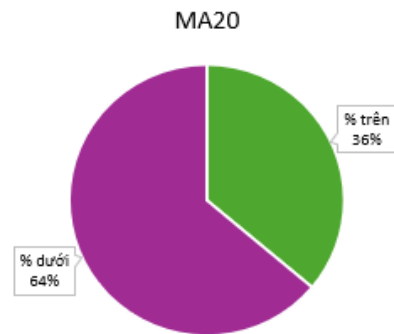
Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	245,000	0.8%	1021.5	803.4	39,900	243,000	6.5	107.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEE	194,400	7.0%	219.2	98.1	22,606	182,100	9.5	21.4	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực
LHC	120,000	8.1%	5.1	2.5	65,000	113,900	3.1	12.1	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
C69	14,300	10.0%	41.8	5.8	5,500	13,500	1.3	20.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HID	7,400	0.4%	9.4	5.4	2,500	7,370	0.7	10.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
TNH	11,550	-2.1%	6.9	2.7	11,800	18,522	1.1	-20.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
C69	14,300	10.0%	41.8	5.8	5,500	13,500	1.3	20.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SGR	20,250	0.0%	11.8	5.3	20,100	42,000	1.0	8.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEX	48,250	7.0%	1246.3	802.7	16,562	65,400	2.7	20.9	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			26/11/2025	25/11/2025	24/11/2025	21/11/2025	20/11/2025	19/11/2025	18/11/2025	17/11/2025	14/11/2025	13/11/2025
VNINDEX	MA200	Trên	50%	49%	51%	52%	52%	52%	53%	53%	52%	52%
		Dưới	50%	51%	49%	48%	48%	48%	47%	47%	48%	48%
	MA50	Trên	32%	29%	32%	32%	34%	35%	36%	33%	33%	32%
		Dưới	68%	71%	68%	68%	66%	65%	64%	67%	67%	68%
	MA20	Trên	41%	31%	38%	42%	46%	47%	54%	54%	44%	44%
		Dưới	59%	69%	62%	58%	54%	53%	46%	46%	56%	56%

VN30	MA200	Trên	70%	67%	67%	73%	73%	73%	83%	87%	83%	83%
		Dưới	30%	33%	33%	27%	27%	27%	17%	13%	17%	17%
	MA50	Trên	27%	20%	30%	33%	33%	37%	40%	40%	40%	33%
		Dưới	73%	80%	70%	67%	67%	63%	60%	60%	60%	67%
	MA20	Trên	43%	27%	40%	47%	53%	53%	67%	60%	43%	33%
		Dưới	57%	73%	60%	53%	47%	47%	33%	40%	57%	67%

HNX	MA200	Trên	46%	45%	47%	48%	47%	48%	48%	49%	48%	46%
		Dưới	54%	55%	53%	52%	53%	52%	52%	51%	52%	54%
	MA50	Trên	35%	32%	34%	35%	33%	34%	34%	36%	32%	32%
		Dưới	65%	68%	66%	65%	67%	66%	66%	64%	68%	68%
	MA20	Trên	46%	45%	47%	48%	47%	48%	48%	49%	48%	46%
		Dưới	54%	55%	53%	52%	53%	52%	52%	51%	52%	54%

UPCOM	MA200	Trên	33%	31%	32%	33%	34%	33%	34%	34%	33%	34%
		Dưới	67%	69%	68%	67%	66%	67%	66%	66%	67%	66%
	MA50	Trên	36%	35%	35%	34%	34%	33%	33%	34%	34%	34%
		Dưới	64%	65%	65%	66%	66%	67%	67%	66%	66%	66%
	MA20	Trên	42%	42%	41%	41%	42%	40%	41%	41%	40%	41%
		Dưới	58%	58%	59%	59%	58%	60%	59%	59%	60%	59%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành		18	Tháng 11																	Tháng 10				
		26 +	25	24	21	20	19	18	17	14	13	12	11	10	07	06	05	04	03	31	30			
↗ 1	Bán lẻ	73	67	70	76	77	80	76	65	62	60	56	50	49	44	50	49	53	51	57	59			
2	Hàng cá nhân & Gia ...	60	61	64	64	65	66	60	56	52	48	42	39	39	46	48	46	49	52	50	46			
3	Điện, nước & xăng d...	58	60	63	67	67	65	61	59	55	51	48	45	47	51	55	51	54	55	56	50			
4	Thực phẩm và đồ uố...	57	57	56	58	58	59	56	55	50	49	47	43	44	47	53	54	54	54	54	55			
↘ 5	Hóa chất	54	54	54	56	57	57	54	49	46	42	38	35	37	45	52	49	49	50	51	49			
6	Bất động sản	53	50	51	44	45	46	44	40	36	38	36	34	39	48	51	54	52	55	58	59			
7	Hàng & Dịch vụ Côn...	51	44	45	48	42	46	43	41	43	39	37	37	37	41	44	44	45	45	49	51			
8	Du lịch và Giải trí	50	45	42	43	42	44	40	36	35	35	33	32	34	35	37	36	37	39	41	44			
! 9	Dầu khí	49	46	50	57	61	63	65	65	62	53	51	50	52	61	67	57	52	53	48	41			
! 10	Viễn thông	46	51	58	58	59	62	61	57	52	53	49	46	47	54	56	58	63	68	68	-			
! 11	Bảo hiểm	46	47	55	60	58	60	57	55	59	65	59	53	54	64	71	72	83	68	62	62			
↘ 12	Tài nguyên Cơ bản	46	47	50	51	52	54	49	45	45	43	41	38	42	43	45	48	47	46	46	49			
↘ 13	Xây dựng và Vật liệu	43	41	41	42	43	44	43	41	39	37	33	30	31	39	41	40	42	44	48	47			
14	Y tế	41	-	-	-	-	-	-	-	-	-	60	-	-	-	65	66	75	-	-	-			
! 15	Công nghệ Thông tin	40	46	52	55	53	55	64	56	52	52	51	34	38	45	46	48	54	57	58	52			
↘ 16	Ô tô và phụ tùng	36	41	44	43	45	48	46	47	43	41	39	37	37	39	42	41	39	39	43	42			
17	Ngân hàng	32	29	29	31	33	35	29	26	26	27	27	25	26	32	37	40	38	38	44	49			
↘ 18	Dịch vụ tài chính	16	18	19	18	19	22	19	17	18	20	19	16	16	19	22	25	23	24	28	32			

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	245,000	0.8%	11.1%	943,989	6.5	107.1	2,287	1,021.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPL	87,200	7.0%	21.1%	156,376	5.0	59.8	1,457	47.8	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VNM	62,800	1.5%	3.1%	131,249	3.9	15.1	4,160	228.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HDB	32,300	1.6%	3.2%	124,659	1.9	7.9	4,100	468.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
VJC	207,800	-5.2%	16.7%	122,937	5.0	71.7	2,897	479.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEE	194,400	7.0%	15.0%	71,150	9.5	21.4	9,095	219.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
KDH	35,400	2.6%	2.3%	39,726	2.2	41.3	857	205.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
POW	15,200	2.7%	2.0%	35,596	1.1	18.7	812	123.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KBC	35,950	1.0%	4.4%	33,856	1.4	19.2	1,872	78.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HAG	18,500	-0.5%	4.8%	23,447	1.9	13.5	1,370	234.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPI	55,800	1.1%	2.8%	17,859	3.5	48.6	1,149	152.0	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CII	26,600	5.1%	1.7%	16,637	1.9	332.6	80	600.0	Tích cực	9.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
HDG	32,500	2.2%	1.6%	12,024	1.9	34.6	938	57.1	Tích cực	9.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
F88	1,115,000	0.1%	2.8%	9,210	5.3	26.2	42,501	5.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PC1	22,200	2.3%	0.5%	9,131	1.5	16.1	1,377	24.0	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực
PVT	19,050	3.0%	3.8%	8,952	1.1	9.1	2,090	99.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính
ANV	30,000	2.9%	-2.0%	7,988	2.3	10.6	2,829	39.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VC3	28,200	1.1%	3.3%	3,847	2.6	37.7	748	32.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
SHI	14,600	0.3%	1.0%	2,481	1.4	43.9	333	8.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LHC	120,000	8.1%	6.7%	1,728	3.1	12.1	9,919	5.1	Tích cực	9.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
THG	46,850	0.0%	-2.8%	1,458	1.9	8.5	5,544	6.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MZG	8,900	-1.1%	-23.3%	1,031	0.8	8.4	1,057	6.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FDC	15,000	-6.8%	-5.1%	579	1.2	16.3	919	5.1	Tiêu cực	-9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
VCB	58,100	-0.2%	-2.2%	485,465	2.2	13.8	4,202	312.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BID	37,350	0.9%	-2.0%	262,248	1.6	9.9	3,781	46.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	53,000	1.0%	-3.5%	188,344	2.8	17.7	2,971	34.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GVR	27,500	1.5%	-1.8%	110,000	1.9	17.5	1,569	32.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLX	33,850	1.0%	-2.4%	43,010	1.7	16.2	2,090	20.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSV	146,000	1.4%	-4.1%	29,200	6.4	15.3	9,526	8.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DCM	33,950	1.2%	-4.0%	17,973	1.7	9.5	3,578	35.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VTP	100,400	0.8%	-6.2%	12,227	7.0	32.0	3,139	39.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CMG	37,500	0.7%	-2.5%	7,940	2.6	20.5	1,833	8.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HNG	5,700	-3.4%	-3.4%	6,497	4.1	-5.8	-1,005	21.4	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
CSV	30,750	2.2%	-3.9%	3,398	2.2	15.1	2,037	9.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	18,500	1.1%	-4.4%	2,785	1.0	9.3	1,988	13.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BVS	31,700	1.9%	-3.4%	2,289	0.9	8.9	3,550	5.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ELC	20,300	0.5%	-1.0%	2,235	1.7	15.9	1,277	7.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TNH	11,550	-2.1%	-6.1%	1,914	1.1	-20.7	-559	6.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BCM	66,400	1.4%	0.5%	68,724	3.2	18.6	3,576	11.1	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VCI	34,400	3.3%	-3.9%	24,857	2.0	21.6	1,589	362.0	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	16,800	0.30%	-0.88%	25,500	52.2%	178	1.4	94.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
NLG	36,150	3.29%	-0.41%	52,100	48.9%	2,160	1.8	16.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	45,750	5.17%	-0.22%	64,100	47.4%	3,090	2.3	14.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXS	10,250	3.54%	0.49%	14,100	42.4%	639	0.9	16.0	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
MBB	23,250	1.75%	-1.06%	32,500	42.2%	3,017	1.5	7.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	19,150	4.08%	0.52%	26,000	41.3%	401	1.6	47.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
IDC	40,900	2.76%	-1.45%	56,100	41.0%	4,849	2.4	8.4	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
KDH	35,400	2.61%	2.31%	48,500	40.6%	857	2.2	41.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DCM	33,950	1.19%	-3.96%	46,600	38.9%	3,578	1.7	9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACB	24,200	0.00%	-2.81%	33,300	37.6%	3,385	1.4	7.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	31,400	1.29%	-2.18%	42,400	36.8%	1,763	1.8	17.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
PVS	33,800	1.81%	-2.31%	45,000	35.5%	3,040	1.1	11.1	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
CTG	48,900	1.56%	-0.91%	65,000	35.0%	6,208	1.6	7.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VPB	29,000	2.84%	3.20%	38,000	34.8%	2,603	1.5	11.1	Trung tính	Tiêu cực	Tích cực	Trung tính
TCB	33,850	1.20%	-2.73%	44,800	33.9%	3,112	1.5	10.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	27,100	0.74%	-1.81%	35,700	32.7%	1,876	1.7	14.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MSN	78,600	2.08%	-0.25%	101,200	31.4%	2,196	3.4	35.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	15,500	1.31%	-0.96%	20,000	30.7%	(1,952)	0.8	-7.9	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Trung tính
PNJ	87,200	0.23%	-2.35%	113,500	30.5%	6,919	2.5	12.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SIP	57,700	1.23%	-0.17%	73,900	29.6%	5,474	2.8	10.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Tuan Nhan

**Managing Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 107

tuan.nhan@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn